

Số: 143/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XX ngày 04/12/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **45** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **90%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và Khoa Vật lý cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
(Kèm theo Nghị quyết số: 143/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100%
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4	4,00	3	100%	Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.2	4	4,00	4	80%	Tiêu chí 9.3	4	3,80	4	80%
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.2	4	4,14	7	100%	Tiêu chí 10.1	3	4,00	5	83,33%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.2	4	Tiêu chuẩn 11							
Tiêu chí 6.3	4	4,00	7	100%	Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100%
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		45			90%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
(Kèm theo Nghị quyết số: 143/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2017-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng cơ bản phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Bản mô tả CTĐT có khá đầy đủ nội dung và được cập nhật. Chương trình dạy học được thiết kế và rà soát, cập nhật; có sự gắn kết và phân bổ khá hợp lý giữa các khối kiến thức. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức và làm định hướng để phát triển CTĐT. Các hoạt động dạy và học khá đa dạng, chú trọng khả năng áp dụng các kiến thức vào thực tế và khả năng kiến tạo cho người học. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, hướng dẫn; các loại hình đánh giá được thiết kế cơ bản phù hợp với mục tiêu của các học phần; kết quả và quy trình phúc tra phúc khảo dễ tiếp cận. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ, có năng lực nghiên cứu khoa học tốt. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ trách nhiệm, nhiệt huyết với công việc, gắn bó với đơn vị và Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành tốt; các hoạt động ngoại khóa và tư vấn, hỗ trợ người học được tổ chức hiệu quả. Môi trường làm việc và học tập thân thiện, thoải mái; cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho các hoạt động. Hệ thống phòng làm việc, phòng học đáp ứng yêu cầu; hệ thống công nghệ thông tin đa phân hệ được đầu tư; thiết kế hạ tầng và các phần mềm phục vụ đào tạo, quản lý cùng hệ thống sao lưu, backup Veritas đảm bảo hệ thống máy chủ mạng hoạt động ổn định, an toàn phục vụ CTĐT. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, các thông tin phản hồi cơ bản được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh, phát triển CTĐT; kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng hiệu quả vào việc cải tiến các hoạt động dạy học; văn hóa chất lượng được hình thành khá ổn định. Các kết quả đầu ra của CTĐT được giám sát, phân tích và đối sánh để cải tiến chất lượng; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm khá cao và được nhà sử dụng lao động đánh giá cao về phẩm chất nhà giáo và năng lực xây dựng môi trường giáo dục.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Vật lý cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tiếp tục hoàn thiện mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Luật giáo dục đại học; đối sánh với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, chuẩn năng lực giáo viên phổ thông, chú ý sử dụng các động từ hành động phù hợp, đảm bảo nguyên tắc SMART; công bố đầy đủ nội dung chuẩn đầu ra của CTĐT trên các phương tiện thông tin, ấn

phẩm; rà soát, điều chỉnh và đa dạng hóa hình thức công khai chuẩn đầu ra của CTĐT nhằm giúp các bên liên quan nhận biết rõ về chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Nghiên cứu ban hành riêng Bản mô tả CTĐT, xác định rõ mục đích sử dụng và hướng dẫn chi tiết làm cơ sở để các khoa triển khai xây dựng thống nhất; rà soát, hoàn thiện đề cương các học phần, chuẩn đầu ra của học phần phù hợp với mục tiêu học phần; thống nhất hình thức diễn đạt các chỉ số thực hiện chuẩn đầu ra làm cơ sở cho việc xác định nội dung, chuẩn chương/bài, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của học phần; đa dạng hơn các hình thức công bố công khai Bản mô tả CTĐT và Đề cương chương trình các học phần để các bên liên quan được biết, giám sát hoặc thực hiện hiệu quả.

3. Rà soát, tích hợp các quy định về xây dựng CTĐT thành một văn bản để dễ dàng thống nhất, triển khai thực hiện; xây dựng và ban hành quy định, hướng dẫn về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra đồng thời tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên; tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là cựu người học và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTĐT đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; rà soát, đánh giá một cách khoa học mức độ tương thích, kết nối giữa chuẩn đầu ra với chương trình dạy học để có điều chỉnh kịp thời, đảm bảo việc đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp.

4. Có những giải pháp cụ thể để cán bộ, giảng viên, người học hiểu, vận dụng và thực hiện triết lý giáo dục như là tập hợp các quan điểm cốt lõi, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt để định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động dạy học của CTĐT; thiết kế các hoạt động dạy học gắn với từng nội dung và phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra chú trọng các phương pháp dạy học mang tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung học phần như dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, mô hình,...; bổ sung các hoạt động giám sát, hỗ trợ giúp sinh viên thực hiện việc tự học và có hình thức đánh giá kết quả tự học của sinh viên một cách phù hợp; tăng cường tổ chức các khóa học rèn luyện kỹ năng cho sinh viên, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học cũng như xây dựng và phát triển các câu lạc bộ học thuật, tăng cường hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển các kỹ năng thiết yếu cho sinh viên.

5. Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tăng cường năng lực cho giảng viên trong thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần hoặc CTĐT; tổ chức phân tích, đánh giá các đề thi và loại hình thi; xây dựng rubrics cho tất cả các học phần để phục vụ cho việc đánh giá các kết quả học tập của sinh viên; áp dụng khoa học đo lường và đánh giá để thực hiện rà soát, đánh giá đề thi, kết quả thi để đánh giá được độ tin cậy của đề thi; thực hiện phân tích, đánh giá đề thi thường xuyên để đa dạng hóa, làm phong phú hơn các hình thức đánh giá kết quả và tiến bộ của người học cuối học phần; có kế hoạch tổng kết, đánh giá hiệu quả các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng để có các giải pháp cải tiến phù hợp.

6. Đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực và phù hợp xu hướng tự chủ: xây dựng tiêu chí và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; tiếp tục hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để đánh giá, ghi nhận đóng góp gắn với đãi ngộ để tạo động lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và giữ chân cán bộ, giảng viên đầu ngành; quy định, hướng dẫn về hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng và thực

hiện chỉ số theo dõi theo các loại hình cụ thể; rà soát đồng bộ chính sách, cơ chế hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác trong và ngoài nước, kết nối địa phương, doanh nghiệp để thu hút nguồn lực; đẩy mạnh các nghiên cứu liên ngành có khả năng chuyển giao và có cơ chế để đẩy nhanh quá trình thương mại hóa trong thực tiễn, phát huy tiềm năng của các giảng viên.

7. Xây dựng kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ nhân viên cũng như kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; xem xét điều chỉnh tiêu chuẩn tuyển dụng chuyên viên theo hướng nâng cao trình độ, ưu tiên những người có trình độ cao hoặc tốt nghiệp tại các trường đại học có uy tín ở trong nước, nước ngoài; giảm tỷ lệ tiên tới ngừng áp dụng mô hình cán bộ quản lý các phòng chức năng có chức danh giảng viên để đảm bảo tính chuyên nghiệp, chuyên trách của đội ngũ cán bộ chủ chốt về hành chính quản lý nhà nước; có phương án bổ sung cán bộ trợ lý hoạt động đào tạo, quản lý sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng thay cho mô hình giảng viên kiêm nhiệm các công tác này tại Khoa.

8. Rà soát các quy định liên quan, xây dựng quy trình giám sát chi tiết, theo dõi sự tiến bộ của người học từ cấp Trường, đến cấp Khoa và lớp sinh viên; có bộ phận quản lý, theo dõi, giám sát tổng thể; hằng năm tổ chức tổng kết đánh giá để nâng cao năng lực, hiệu quả; xây dựng cơ sở dữ liệu, mạng lưới kết nối giữa Nhà trường/ Khoa với cựu sinh viên, các cơ sở sử dụng lao động,... để giúp sinh viên chủ động hơn việc trang bị kiến thức, kỹ năng trong quá trình đào tạo, tự tạo việc làm sau khi ra trường; đào tạo kỹ năng/ nghiệp vụ liên quan tới công tác quản lý/ công tác chủ nhiệm lớp, các vấn đề tâm lý học đường; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác và cân nhắc, mở rộng tổ chức các hoạt động cho sinh viên ở phạm vi ngoài trường, đặc biệt với các đơn vị đối tác.

9. Đánh giá được hiệu quả sử dụng, khả năng phối hợp hệ thống phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành, phòng máy cùng trang thiết bị sẵn có để tạo môi trường học tập, thực hành, nghiên cứu mới, tạo được môi trường mở cho việc hình thành kỹ năng chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên; tăng cường đầu tư cập nhật hệ thống học liệu phù hợp cho CTĐT cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho công tác số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh phục vụ tra cứu trực tuyến và để bắt kịp với sự phát triển của ngành và của xã hội; nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, chú trọng các phần mềm quản lý và sớm xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung toàn trường trên cơ sở kết nối các phần mềm riêng biệt hiện nay; kết nối tích hợp trong một hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý điều hành chung để đáp ứng hiệu quả, bền vững quản trị đại học tiên tiến và hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu.

10. Điều chỉnh quy trình xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT căn cứ vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT; khai thác hiệu quả kết quả phản hồi của các bên liên quan cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và nội dung chương trình dạy học; ban hành quy định, hướng dẫn về nguyên lý phát triển chương trình dạy học dựa theo chuẩn đầu ra; có chính sách đầu tư có tính hệ thống và đồng bộ để thúc đẩy các chương trình, đề tài nghiên cứu theo hướng tạo ra các sản phẩm nghiên cứu khoa học liên ngành, có tính ứng dụng cao, phục vụ hiệu quả hơn cho CTĐT; tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để phát triển, củng cố văn hóa chất lượng nhà trường và tạo sự lan tỏa trong tất cả các hoạt động, nhất là trong cải tiến, phát triển nội dung, cách thức thực hiện để liên tục cải tiến và không ngừng nâng cao chất lượng cho CTĐT.

11. Có các giải pháp giảm tỷ lệ thôi học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tạo việc làm, phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học của sinh viên và giải thưởng, tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan; nghiên cứu điều chỉnh CTĐT phù hợp với thay đổi nhu cầu sử dụng sinh viên tốt nghiệp, chú trọng phát triển, nâng cao năng lực, kỹ năng; liên kết, hợp tác hiệu quả, sâu rộng với các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các đơn vị đào tạo trong đó có các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội, nguồn lực cho sinh viên nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, tạo thêm nguồn lực hỗ trợ nghiên cứu khoa học; áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, quản trị sáng tạo, kết hợp quản trị theo nguyên lý và theo quy định, theo kết quả trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị và nền tảng số, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm đạt các kết quả của CTĐT đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu, hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
